TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **81**/2023/HN-ST
Ngày: 10/7/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Nhặc
2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 07 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 148/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2023/QĐXX-ST ngày 20 tháng 06 năm 2023; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 202/TB-TA ngày 21 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Huyền T, sinh năm 1988. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà H khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M – Luật sư thuộc Công ty L1.

Địa chỉ: số D đường H, khu phố B, phường B, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn T1, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: số nhà A ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Huyền T trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng chị quen biết, tìm hiểu và tự nguyên tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, được cấp giấy chứng nhận ngày 10/01/2018.

Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Vợ chồng chị đã nhiều lần cố gắng để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành làm mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể chung sống hòa hợp trở lại. Vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 2/2019 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh T1. Chị không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung cháu Phan Bảo N, sinh ngày 29/12/2019 khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Trung cấp d nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Phan Văn T1 trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về điều kiện tiến tới hôn nhân, thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn.

Anh cho rằng trong thời gian chung sống giữa vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, do điều kiện công việc phải công tác xa, từ tháng 02/2019 đến tháng 10/2022 anh công tác ở Bình Thuận do đi làm xa nên không thể ở bên cạnh chăm sóc vợ con nhưng anh vẫn lo kinh tế đầy đủ cho vợ con; giai đoạn tháng 10/2022 đến 04/2023 giữa vợ chồng có mâu thuẫn do chị T không tin tưởng anh cho rằng anh có quen với người phụ nữ khác, không chăm lo gia đình,mâu thuẫn về tiền bạc. Mặc dù, trong cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng cũng có mâu thuẫn với nhau nhau nhưng theo anh những mâu thuẫn này không trầm trọng đến mức phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị T, anh mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung cháu Phan Bảo N, sinh ngày 29/12/2019 do không đồng ý ly hôn nên anh muốn con sống với ba, mẹ. Nếu trường hợp chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý để chị T nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Hiện nay chị T không còn tình cảm với anh T1, mâu thuẫn giữa vợ chồng không còn hàn gắn được, đã có thời gian ly thân rất lâu, có sự xác nhận của mẹ chị T nhưng anh T1 không có động thái hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng đề nghị chấp nhận

yêu cầu ly hôn của chị T. Con chung của chị T và anh T1 từ khi sinh ra đã sống với chị T, có môi trường sống ổn định, anh T1 không trực tiếp chăm sóc con, không rõ thói quen sinh hoạt hàng ngày của con, hiện nay chị T có nguồn thu nhập ổn định để nuôi con nên đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Trung cấp d nuôi con.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Chị Huỳnh Thị Huyền T là nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt chị T.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Huyền T do mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn lại được.

Con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung cháu Phan Bảo N, sinh ngày 29/12/2019 khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Trung cấp d nuôi con. Do hiện nay cháu N đang sống với chị T đã quen sự chăm sóc của mẹ, bé còn nhỏ nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng tâm lý con, anh T1 cũng có ý kiến nêu chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý vấn đề con chung như chị T yêu cầu. Đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không có, đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của đương sự, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của chị Huỳnh Thị Huyền T Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Huỳnh Thị Huyền T là nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt chị T.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Hôn nhân của chị Huỳnh Thị Huyền T và anh Phan Văn T1 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phô Bến Tre đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1. Chị cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2019 đến nay. Anh T1 cho rằng giữa vợ chồng anh có mâu thuẫn như chị T trình bày nhưng không trầm trọng đến mức phải ly hôn, anh mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không đồng ý ly hôn.

Khi thực hiện xác minh với chính quyền địa phương tại nơi anh T1 sống thì địa phương không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng.

Khi tiến hành xác minh với bà Đỗ Thị N1 là mẹ anh T1 bà cho rằng không biết rõ mâu thuẫn của vợ chồng anh T1 do vợ chồng anh T1 không có sống cùng với bà.

Tại văn bản xác nhận ngày 13/5/2023 của chị Lương Thị Yến P và văn bản xác nhận ngày 28/6/2023 của bà Nguyễn Thị L là mẹ chị T cung cấp thông tin là có nghe chị T tâm sự là cuộc sống hôn nhân của chị T đang mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không con hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân hơn 03 năm, không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 là có thật, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn với nhau về vấn đề tài chính, chăm sóc gia đình, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau. Cả hai có thời gian dài không ở gần nhau do anh T1 đi làm xa nên giữa vợ chồng không thể trao đổi được với nhau các vấn đề trong cuộc sống, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Trước khi chị T khởi kiện ly hôn anh, chị đã có thời gian dài để hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không có kết quả.

Tòa án đã triệu tập chị T nhiều lần đến Tòa để hòa giải với anh T1 tuy nhiên chị T không đến và có văn bản trình bày ý kiến về việc chị vẫn giữ quan điểm ly hôn, điều đó chứng minh chị T không có thiện chí đoàn tụ. Anh T1 có đưa ra các phương hướng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh cũng thừa nhận từ đầu năm 2023 đến nay anh không gặp trực tiếp được chị T để trao đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T1 là đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị T, anh T1 không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2.2. Con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung cháu Phan Bảo N, sinh ngày 29/12/2019 khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Trung cấp d nuôi con. Do cháu N từ khi sinh ra đã sống với chị T quen với sự chăm sóc của mẹ, có môi trường sống và phát triển ổn định, anh T1 cũng có ý kiến nêu chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý để chị T nuôi con. Do đó, khi ly hôn cần giao cháu N cho chị T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Trung cấp d nuôi con.

Tại phiên tòa anh T1 có trình bày anh sẽ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng một tháng hoặc tùy theo điều kiện kinh tế của anh nhưng anh không yêu cầu Tòa án ghi nhận nội dung này nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T, anh T1 trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị T, anh T1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng, chị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Huyền T

Cụ thể tuyên:

1. Chị Huỳnh Thị Huyền T được ly hôn với anh Phan Văn T1.

Chị T và anh T1 không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn,nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: có 01 con chung cháu Phan Bảo N, sinh ngày 29/12/2019, khi ly hôn giao con chung cho chị T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Trung cấp d nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cở sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá

nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3 Về tài sản chung của vợ chồng: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Huỳnh Thị Huyền T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004789 ngày 27 tháng 04 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs,Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Yến